ĐỂ VIỆT NAM SỚM TRỞ THÀNH NƯỚC PHÁT TRIỂN, CÓ THU NHẬP CAO

PHẠM NGỌC HÒA
Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Đồng Tháp
ThS NGUYỄN LÊ HOÀNG PHƯƠNG
Trường Chính trị thành phố Cần Thơ

1. Đặt vấn đề

Thế giới đã trải qua 1/4 thế kỷ và bước vào kỷ nguyên số với đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc; đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số.

Trong bối cảnh kỷ nguyên số hiện nay đã tạo ra nhiều cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17-11-2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2030: "Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của nhân dân được nâng cao" và đến năm 2045 "Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực châu Á"[1]. Đây được xem là định hướng chiến lược quan trọng để Việt Nam tiếp tục phấn đấu, hoàn thành nốt những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, sớm bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, bối cảnh mới cũng đặt ra không ít thách thức đối với nền kinh tế. Bởi, để trở thành nước phát triển, thu nhập cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP của Việt Nam phải tăng trưởng ổn định từ 7%/năm trở lên. Trong giai đoạn 1991 - 1998, nền kinh tế nước ta tăng trưởng trung bình GDP hơn 8%/năm, trong đó có những năm tăng trên 9%. Như vậy, đã có thời kỳ tăng trưởng khá cao; còn giai đoạn từ năm 2000 đến nay, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với hai cuộc khủng hoảng tài chính khu vực (1997 - 2002) và thế giới (2008 - 2010) nên tốc độ tăng GDP hằng năm chưa đạt 7%. Gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên tốc độ tăng GDP các năm (2011 - 2024) chỉ đạt bình quân 5,62%. Cho nên, để Việt Nam sớm trở thành nước phát triển, có thu nhập cao thì việc hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là rất quan trọng, cùng với đó là tinh gọn bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả đầu tư công và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là điều quan trọng và cấp thiết hơn bao giờ hết.

2. Kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và kỷ nguyên số

Thời gian qua, nhờ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã khai thác tốt các lợi thế về tài nguyên, nguồn lao động, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của Nhân dân. Từ một quốc gia có nền kinh tế phát triển chậm so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình và là đối tác thương mại hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới. Thông qua hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam bước đầu xây

dựng một số ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy xuất khẩu. Việt Nam thu hút được lượng vốn đầu tư nước ngoài nhờ môi trường đầu tư thuận lợi, môi trường chính trị ổn định và vị trí chiến lược ở Đông Nam Á. Trong đó, Việt Nam đã đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và bớt phụ thuộc vào thị trường truyền thống. Việt Nam đã đạt được thặng dư thương mại, cho thấy nền kinh tế lành mạnh, phát triển và có khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Đây là tiền đề quan trọng để nền kinh tế Việt Nam tiếp tục bứt phá, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia có thu nhập cao. Hiện tại, các động lực tăng trưởng kinh tế chính đang phục hồi khá, dù không đồng đều, như cầu tiêu dùng phục hồi cả trong và ngoài nước, xuất khẩu tăng trưởng. Trong khi đó, đầu tư tư nhân cũng phục hồi, thu hút FDI tăng khá và kiều hối tăng tích cực. Bên cạnh đó, nền tảng vĩ mô và quản trị rủi ro được tích lũy tốt; các rủi ro tài khóa như thâm hụt ngân sách, nợ công, nợ nước ngoài đều ở mức trung bình.

Nhờ vào những thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, các nước phát triển đã bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên số với những tốc độ khác nhau. Sau hơn 40 năm hội nhập quốc tế sâu rộng, là một nước đang phát triển, Việt Nam đang chạm bước vào kỷ nguyên số. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) thông qua tại Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) đã xác định: "Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia"[2].

Nhìn lại 40 năm đổi mới cho thấy, Việt Nam từ một nước nghèo, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng, quy mô và sự phát triển của nền kinh tế đạt được ở mức cao, từ năm 1986 đến năm 2023 đạt bình quân 6,55%/năm (mức trung bình của thế giới là 2,92%, của khu vực kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương là 4,82%). Quy mô nền kinh tế năm 2023 đạt 430 tỉ USD, tăng gấp 96 lần so với năm 1986 (4,5 tỉ USD); thu nhập bình quân đầu người đạt 4.284 USD[3]. Đặc biệt năm 2024, GDP tăng bình quân khoảng 7,09% so với năm 2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, thể hiện qua chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và năng suất lao động. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện hơn (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023)[4]. Cùng với đó, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 theo giá hiện hành đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2023. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt năm 2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước. Bên cạnh đó, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong năm 2024 có 164 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn là 603,7 triệu USD, gấp hơn hai lần so với năm 2023. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 664,8 triệu USD, tăng 57,7% so với cùng kỳ năm trước[5] (Hình 1).

Hình 1. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội từ năm 2020 - 2024

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng

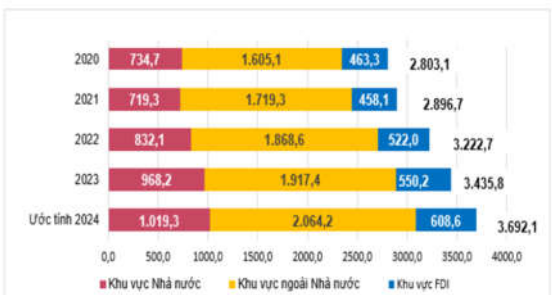

Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2024.

Trong những đóng góp vào tăng trưởng GDP, xuất nhập khẩu hàng hóa là được xem là điểm sáng

nổi bật và là động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 nhờ nhu cầu thị trường quốc tế đang trên đà phục hồi. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%[6] (Hình 2).

Hình 2. Xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2024

Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2024

Việt Nam tiếp tục là điểm đến an toàn, hấp dẫn của các doanh nghiệp, đối tác, nhà đầu tư quốc tế; thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) lớn nhất thế giới, đạt khoảng 40 tỉ USD, trong đó vốn FDI thực hiện khoảng 25 tỉ USD; là một trong 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới với 17 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), trở thành một mắt xích quan trọng trong các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế số, kinh tế xanh, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; đặc biệt đã xác lập được vị thế quan trọng trong chuỗi công nghiệp bán dẫn toàn cầu, thu hút được nhiều tập đoàn công nghệ lớn. Giá trị thương hiệu quốc gia năm 2024 đạt 507 tỉ USD, xếp thứ 32/193, tăng 1 bậc so với năm 2023[7].

Nhìn chung, các động lực tăng trưởng kinh tế chính đang phục hồi khá, dù không đồng đều, nhu cầu tiêu dùng phục hồi cả trong và ngoài nước, xuất khẩu tăng trưởng. Trong khi đó, đầu tư tư nhân cũng phục hồi, thu hút FDI tăng khá và kiều hối tăng tích cực. Bên cạnh đó, nền tảng vĩ mô; các rủi ro tài khóa như thâm hụt ngân sách, nợ công, nợ nước ngoài đều ở mức trung bình. Điều này khiến dư địa chính sách tài vẫn còn. Hiện lạm phát tuy tăng nhưng trong tầm kiểm soát, lãi suất giảm, nợ xấu tăng trong tầm kiểm soát, trong khi tỉ giá dần ổn định là những yếu tố tích cực cho nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới. Các yếu tố khác như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng…, được tiếp tục đẩy mạnh, là dư địa để thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển.

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới đang trải qua những điều chỉnh căn bản, sâu sắc và sự cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế tiếp tục diễn ra gay gắt đã ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ kinh tế, thương mại giữa các nước.... Ở trong nước, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn tồn tại những điểm nghẽn cản trở quá trình phát triển như tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; nền tảng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa vững chắc; các mô hình kinh tế mới chậm được nhân rộng. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng[8]. Trong bối cảnh phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 đang làm nảy sinh nhiều vấn đề mới, phức tạp đòi hỏi Việt Nam phải đổi mới toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa trên tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hóa và phát triển xã hội. Để Việt Nam sớm trở thành nước phát triển, có thu nhập cao đòi hỏi sự nỗ lực tối đa, tạo những yếu tố đột phá thu hút đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt mức tăng trưởng ít nhất 8% hoặc phấn đấu cao hơn trong điều kiện thuận lợi; trên cơ sở đó tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa. Nếu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định 8 - 9% thì nước ta có thể trở thành nước thu nhập cao vào năm 2045. Tuy nhiên, để đạt tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tới thì Việt Nam cần xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế phù hợp với bối cảnh tình hình thế giới và thực tại của nền kinh tế đất nước.

3. Hàm ý chính sách

Một là, tạo sự đột phá về thể chế, chú trọng nguyên tắc thị trường trong huy động và phân bổ mọi nguồn lực, hướng đến loại bỏ cơ chế "xin - cho" và tư duy bao cấp. Đồng thời, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương phải nỗ lực cải cách, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị "tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả". Đồng thời, cần huy động mọi nguồn lực từ Nhân dân và mọi thành phần kinh tế bằng cách xây dựng một nền hành chính hiệu quả, năng động và môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế để thúc

đẩy tinh thần khởi nghiệp và sự vươn lên làm giàu của doanh nhân, cũng như mọi tầng lớp xã hội.

Hai là, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, tạo bước đột phá phát triển kinh tế đất nước. Trong hoàn thiện hệ thống pháp luật phải đảm bảo minh bạch, tiến bộ, công bằng và nhanh chóng khắc phục những chồng chéo, bất cập. Hoàn thiện cơ chế thử nghiệm (sandbox) để hỗ trợ phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, cần thực hiện cải cách mạnh mẽ hệ thống tài chính, ngân hàng, tiền tệ. Chú trọng thực hiện cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, nhất là trong các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ba là, tập trung chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, lấy khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính để phát triển các ngành kinh tế chủ lực, hướng tới nâng cao tính độc lập, tự chủ, tự cường của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. Quan tâm phát triển các thị trường truyền thống, đồng thời, chú trọng tìm kiếm và mở rộng thị trường mới cho hàng hóa, dịch vụ và lao động Việt Nam sang các nước châu Âu, nhóm các nước phát triển. Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong nước như tài nguyên, lao động, kết hợp với các nguồn lực bên ngoài như vốn, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lý để đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Bốn là, phát huy tiềm lực của khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước, đặc biệt các doanh nghiệp có khả năng làm chủ công nghệ. Thúc đẩy đầu tư hạ tầng nền kinh tế theo hướng tăng tỉ lệ đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP), thúc đẩy tư nhân tham gia làm các dự án hạ tầng, việc khuyến khích tư nhân trong nước làm các dự án hạ tầng lớn sẽ giảm chi phí đầu tư. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong nước tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, công nghệ sản xuất để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Năm là, khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng trong nước, đặc biệt là công nghệ chuyển đổi số, huy động nguồn vốn trong nước và cả nước nước ngoài để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó còn đặc biệt hỗ trợ các động lực tăng trưởng mới từ đổi mới sáng tạo, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI). Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm thu hút FDI vào các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ AI, fintech, thực tế ảo, blockchain. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài theo hướng minh bạch, hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.

4. Kết luận

Nhìn lại, khởi đầu từ một nước nghèo, thu nhập thấp, quá trình 40 năm đổi mới đã đưa cuộc sống Nhân dân ngày càng tốt hơn. Việt Nam đã bước qua ngưỡng thu nhập trung bình thấp. Quá trình đổi mới đã giúp Việt Nam tích lũy được rất nhiều, từ nguồn lực, cơ sở hạ tầng ban đầu cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Đặc biệt là kinh nghiệm thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao nhưng vẫn ổn định được kinh tế vĩ mô, lạm phát trong tầm kiểm soát. Việt Nam có cơ hội lớn để trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, nhưng để biến cơ hội thành hiện thực, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi để thu hút vốn đầu tư toàn xã hội nhằm khơi thông mọi nguồn lực, đồng thời phải nhanh chóng cải cách, tinh gọn bộ máy và quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 120, 123.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 227.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*, Nxb CTQG - ST, H, 2024, tr. 93.

4, 5, 6. Tổng cục Thống kê: *Một số điểm sáng tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024*, https://www.gso.gov.vn/bai-top/2025/01/mot-so-diem-sang-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/.

7. Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhân dịp đón năm mới 2025: *Đổi mới, sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, đưa đất nước vững bước tiến vào Kỷ nguyên mới, phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc*.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2024, tr. 66.